TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NK** **THÀNH PHỐ CT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2019/HNST

Ngày: 14/10/2019

Về việc: *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà *Trần Thị Hồng Gấm*.
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà *Hồ Thị Kim Luyến*.
2. Bà *Nguyễn Trường Hoa*.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà *Nguyễn Thị Hương* – Thư ký Tòa án nhân dân quận NK, thành phố CT.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận NK, thành phố CT tham gia phiên tòa: Bà *Nguyễn Thị Thùy Ngân* – Kiểm sát viên.

Ngày 14/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố CT tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 726/2018/TLST- HN ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 589/2019/QĐXXST-HN ngày 20/09/2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Lê Thị TH A**, sinh năm 1986. (Có mặt)

ĐKTT: 14A/3 ấp Định Thành, xã Định Hòa, huyện L V, tỉnh Đ T.

* Bị đơn: Ông **Lê H A**, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

ĐKTT: 22/58 Mạc Đỉnh Chi, phường An Cư, quận NK, thành phố CT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn – bà Lê Thị TH A trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê H A tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Cư, quận NK, thành phố CT vào ngày 20/10/2011. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc về sau thì Ph sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu để quyết định yêu cầu giải quyết ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến cự cải và thời gian kéo dài. Cả hai đã không còn sự quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống và đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tình cảm đã thật sự rạn nứt không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H A.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Bảo Gia Ph (Nam), sinh ngày 21/10/2012. Hiện nay, con đang sống chung với bà nên khi ly hôn thì xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông H A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Phía bị đơn – ông Lê H A: Ông H A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự hòa giải cũng như xét xử. Do đó, Tòa án đã làm thủ tục tống đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết điịnh hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định tại điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do phía bị đơn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hòa giải được mà phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa,

Bà TH A vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày trước đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp yêu cầu ly hôn với ông H A; về con chung thì xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung thì không có.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến nhận xét về quá trình tuân theo quy định của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký và ý kiến về đường lối giải quyết vụ án:

Về thẩm quyền thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng Tòa án xác định là đúng theo quy định, vụ kiện thụ lý là đúng thẩm quyền, việc tiến hành thủ tục xét xử của Tòa án cho đến giai đoạn hiện nay là phù hợp.

Về đường lối giải quyết vụ án thì đại diện viện kiểm sát đề nghị như sau:

Về hôn nhân: Theo lời trình bày của nguyên đơn thì xác định mâu thuẫn giữa các đương sự là có, cả hai đã ly thân từ năm 2013 và bà TH A xác định tình cảm không còn, ông An đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia hòa giải để trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình, điều này thể hiện việc ông cũng không muốn duy trì quan hệ hôn nhân này nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị TH A về việc yêu cầu ly hôn với ông Lê H A.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Lê Bảo Gia Ph cho bà TH A tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện sống, hoàn cảnh sống và tâm sinh lý cho con, bà TH A không đặt vấn đề cấp dưỡng nên con nên đề nghị không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân: Nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Bà TH A và ông H A tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Khi Ph sinh tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết và quan hệ này được Luật hôn nhân gia đình điều chỉnh, tranh chấp giữa các đương sự thuộc quan hệ *"Tranh chấp ly hôn"*. Mặc khác, khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện thì bị đơn ông An có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại quận NK, thành phố CT nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận NK theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về phần thủ tục*:

Ông H A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự hòa giải cũng như tham dự phiên tòa. Tòa án đã làm thủ tục tống đạt trực tiếp, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông H A theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là có cơ sở.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà TH A và ông H A tự nguyện tiến tới hôn nhân, thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc thì mâu thuẫn phát sinh. Mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn để cự cải, không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống, hiện nay cả hai đã ly thân. Mặc dù, bà nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không mang lại kết quả. Nay bà TH A thấy tình cảm không còn nên có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông H A. Ông An được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông cũng không đến dự phiên hòa giải cũng như phiên tòa để trình bày ý kiến của mình, điều này chứng tỏ ông cũng không còn thiết tha gì đối với quan hệ hôn nhân này. Vì vậy, yêu cầu giải quyết ly hôn của bà TH A là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về con chung: Xét thấy, cháu Lê Bảo Gia Ph (Nam), sinh ngày 21/10/2012 chưa đủ 07 tuổi nên không thể lấy ý kiến để xem xét nguyện vọng của cháu. Theo bà TH A trình bày, hiện nay cháu Ph đang sống chung với bà vì vậy nếu thay đổi hoàn cảnh sống, điều kiện sống nếu sẽ ảnh hưởng đến môi trường sống, tâm sinh lý của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Ph cho bà TH A tiếp tục nuôi dưỡng. Việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi dưỡng, do bà TH A không yêu cầu và ông H A vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về nợ chung*: Không có.

[7] *Về án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn phải nộp án phí Hôn nhân và Gia đình theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị TH A.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của bà Lê Thị TH A đối với ông Lê H A.

- Về con chung: Giao cháu Lê Bảo Gia Ph (Nam), sinh ngày 21/10/2012 cho bà Lê Thị TH A trực tiếp nuôi dưỡng và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Lê H A không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng); chuyển tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001809 ngày 17/09/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận NK, thành phố CT thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- ***Nơi nhận:***

+ VKSND Q. NK;
+ Chi Cục THADS Q. NK;
+ UBND phường An Cư, Q. NK, TP. CT;
+ Các đương sự;
+ Lưu hồ sơ vụ án.

TRẦN THỊ HỒNG GẤM